| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2026
"V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Bùi Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, về "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Kim C**, sinh ngày 25/12/1982 (có mặt).

Số căn cước công dân: **********, ngày cấp 17/4/2023.

Địa chỉ: Số E, đường B, phường P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số C, ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Hiệp H**, sinh ngày 25/5/1979 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: **********, ngày cấp 11/01/2023.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2025 và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Kim C trình bày: Giữa bà và ông Lâm Hiệp H có đăng ký kết hôn tại U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy đăng ký kết hôn số 163 ngày

12/12/2019. Đến ngày 11/01/2024, bà và ông H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số: 05/2024/QĐCNTTLH, ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn, phần tài sản chung không yêu cầu giải quyết và đã tự thỏa thuận, cụ thể:

+ Bà được nhận phần đất diện tích 10.010,5m$^2$, thửa số 65, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2011 và số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

+ Ông Lâm Hiệp H được nhận phần đất nền nhà ở gần cầu X chiều ngang 7,5m x chiều dài khoảng 40m; nhà ở bên cạnh kho lúa T, ngang 8m x dài 50m và đất lúa (ruộng) 90 công ở xã L, thành phố Cần Thơ.

Do ông Lâm Hiệp H không thực hiện đúng theo Văn bản thỏa thuận, đến nay mới giao cho bà được 310.000.000 đồng và còn lại 690.000.000 đồng chưa giao. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H tiếp tục giao số tiền 690.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi trao đổi bà thay đổi về số tiền yêu cầu ông H hoàn trả là 290.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Lâm Hiệp H vắng mặt, quá trình giải quyết có ý kiến: Khi ly hôn giữa ông và bà C có thỏa thuận phân chia tài sản chung, ban đầu bà C yêu cầu nhận phần đất 10 công và số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý, hai bên đã thỏa thuận lại thống nhất ông có trách nhiệm giao thêm cho bà C số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên trong lúc thỏa thuận lại, người lập biên bản không kịp thời sửa chữa văn bản thỏa thuận và ông cũng không kiểm tra lại đã ký vào văn bản thỏa thuận phân chia cho bà C số tiền 1.000.000.000 đồng. Nay ông đồng ý thanh toán số tiền còn lại là 290.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim C thì thấy ông H thừa nhận và đồng ý giao số tài sản chung còn lại là 290.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời buộc bị đơn ông Lâm Hiệp H phải chịu án phí theo quy định là 14.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Cao Thị Kim C khởi kiện ông Lâm Hiệp H tranh chấp về tài sản chung sau khi ly hôn, ông H có nơi cư trú tại xã L, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1

Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi về số tiền yêu cầu ông H phải giao là 290.000.000 đồng, nhận thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Kim C, thì thấy: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/4/2026 và biên bản hòa giải ngày 22/5/2026, bị đơn ông Lâm Hiệp H thừa nhận ông và bà C là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 05/2024/QĐCNTTLH, ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ). Khi ly hôn giữa ông và bà C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, ông đã giao cho bà C số tiền 310.000.000 đồng và còn lại chưa giao là 290.000.000 đồng, nay ông đồng ý thanh toán số tiền còn lại cho bà C là 290.000.000 đồng. Xét lời thừa nhận của ông H là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy có thể xác định bà C và ông H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, quá trình thực hiện ông H vi phạm nghĩa vụ giao nhận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về đề nghị của ông H được hoàn trả trong thời gian 02 năm, nguyên đơn bà C không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[5] Về án phí: Mặc dù đơn khởi kiện của bà C tiêu đề là chia tài sản chung sau khi ly hôn, tuy nhiên xét về nội dung là yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nên bị đơn ông H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Kim C.

Buộc bị đơn ông Lâm Hiệp H phải trả cho bà Cao Thị Kim C số tiền còn nợ là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bị đơn ông Lâm Hiệp H phải chịu án phí số tiền 14.500.000 đồng.

+ Bà Cao Thị Kim C được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 15.800.000 đồng theo biên lai thu số 0011086 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**